

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ- ST

Ngày 06 - 06 - 2019

“V/v Thay đổi người trực tiếp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Trà

2. Ông Huỳnh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na – Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 06 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số 255/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2018 về việc “Thay đổi người trực tiếp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102019/QĐST - HNGĐ ngày 09/04/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Trương Thành C** – Sinh năm: 1985 – Địa chỉ: Số K65/11 đường C, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Trần Thị M** – Sinh năm: 1986 - Địa chỉ: Số K65/11 đường K, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2018, tại bản trình bày và tại phiên tòa ông Trương Thành C trình bày:

Ông Trương Thành C và bà Trần Thị M thỏa thuận tình ly hôn theo quyết định số 314A/2016/QĐST – HNGĐ ngày 25/11/2016.

Nội dung quyết định thể hiện:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Trương Thành C thống nhất thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Bà Trần Thị M và ông Trương Thành C xác định có một con chung tên Trương Uyên N – Sinh ngày: 10/12/2013, sau khi ly hôn bà M và ông C

thống nhất giao con chung cho bà Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trương Thành C cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Theo quyết định trên thì bà M là người trực tiếp nuôi con, nhưng bà M nuôi dưỡng con được thời gian ngắn, thì bà Trần Thị M gặp khó khăn trong kinh tế nên đã dẫn con đi trốn, ông C đã tìm đến chỗ bà M trốn để đưa con về trực tiếp nuôi dưỡng ổn định cuộc sống, từ khi ông C đưa con về nuôi dưỡng bà M có vài lần ghé thăm con. Nay ông C cho rằng bà M không có khả năng về mọi mặt như kinh tế chỗ ở, trên thực tế ông đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Nên ông đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con là giao con chung tên Trương Uyên N – Sinh ngày: 10/12/2013 cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, ông C không yêu cầu bà Trần Thị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên hòa giải cho bà M nhưng bà M vẫn không có văn bản trình bày và tại các phiên hòa giải bà M vắng mặt không lý do. Nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/4/2019 bà Minh vắng mặt lần thứ nhất không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà Trần Thị M nhưng bà M vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà M tại địa chỉ số 107 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng và tại địa chỉ mà bà M đăng ký hộ khẩu thường trú là số K65/11 đường K, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng nhưng không tổng đạt được.

Qua xác minh tại địa chỉ số 107 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng Công An phường H, quận C cung cấp bà Trần Thị M không có đăng ký hộ khẩu thường trú cũng như không sinh sống tại đây.

Do vậy Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là báo nhân dân liên tục vào các ngày 26, 27 và 28 tháng 1 năm 2019 và Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng vào các ngày 27, 28 và 29 tháng 1 năm 2019. Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo mà bà M vẫn không có mặt mà không lý do.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung của ông Trương Thành C thì thấy

Theo quyết định số 314A/2016/QĐST – HNGĐ ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thể hiện:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Trương Thành C thống nhất thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Bà Trần Thị M và ông Trương Thành C xác định có một con chung tên Trương Uyên N – Sinh ngày: 10/12/2013, sau khi ly hôn bà M và ông C thống nhất giao con chung cho bà Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trương Thành C cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Sau khi giao con chung cho bà Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng được thời gian thì bà M gặp khó khăn trong vấn đề làm ăn nên đã dẫn cháu Uyên N bỏ đi nơi khác sinh sống mà không thông báo chỗ ở của con chung cho ông Trương Thành C gây khó khăn trong việc thăm nom con của ông C, ông C không liên lạc được với bà M.

Đến tháng 9 năm 2018 ông C đã tìm đến nơi sống của bà M để đưa cháu Uyên N về trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho con chung, từ khi ông C đưa cháu Uyên N về nuôi dưỡng cho đến nay bà M không có lần nào đến thăm con, bà M không có khả năng chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Do vậy HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung của ông Trương Thành C là có cơ sở theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Ông Trương Thành C không yêu cầu bà Trần Thị M phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu Ông Trương Thành C đối với bà Trần Thị M.

Giao con chung tên Trương Uyên N – Sinh ngày: 10/12/2013, cho ông Trương Thành C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016 UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Trương Thành C phải chịu.

Vì các lẽ trên quyết định

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 84 Luật 3 Hôn nhân và gia đình năm 2014
- Điều 70, 72; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26; Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu Ông Trương Thành C đòi với bà Trần Thị M.

Giao con chung tên Trương Uyên N – Sinh ngày: 10/12/2013, cho ông Trương Thành C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Thành C phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp theo biên lai thu số 00683 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Trần Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Ba

